TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:104/2019/KDTM-ST
Ngày: 8/11/2019
V/v "Tranh chấp hợp đồng thi công"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Út.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Thảo

2. Ông Vũ Trung Kiên

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình – Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 8 tháng 11 năm 2019 tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2019/TLST-KT ngày 13 tháng 03 năm 2019 về việc: "Tranh chấp hợp đồng kinh tế" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2019/QĐST- KDTM ngày 01 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 243/2019/QĐST-KDTM ngày 25 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty cổ phần đầu tư L

Trụ sở: 41/50/32 N, phường A, quận G, Thành phố M.

Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn: Ông Nguyễn Trung H, sinh năm 1986 theo văn bản ủy quyền ngày 26/4/2019 (có mặt).

Địa chỉ: 94 T, phường B, quận P, Thành phố M.

Bị đơn: Công ty TNHH thương mại dịch vụ công nghệ Q

Trụ sở: 147/17 X, phường C, quận D, Thành phố M.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Đức E - Chức vụ: Giám đốc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 12/3/2018 công ty cổ phần đầu tư L (kể từ sau gọi là công ty L) và công ty TNHH thương mại dịch vụ công nghệ Q (kể từ sau gọi là công ty Q) ký hợp đồng kinh tế số 02/HĐKT/2018 về việc "Thi công hệ thống phòng cháy, chữa cháy và chống sét toàn bộ Bệnh viện Đa khoa S tại số 125 Y, phường K,

Quận Đ, Tp.M", giá trị hợp đồng là 1.205.886.000 đồng. Thực hiện hợp đồng công ty L đã chuyển cho công ty Q 02 lần với số tiền là 459.558.000 đồng. Tuy nhiên, phía công ty Q không thực hiện đúng tiến độ thi công nên làm ảnh hưởng đến uy tín và chất lượng công trình. Hiện nay, công ty Q không tiếp tục thi công công trình nên công ty L khởi kiện yêu cầu được chấm dứt hợp đồng kinh tế nói trên và buộc công ty Q phải hoàn trả lại cho công ty L số tiền là 459.558.000 đồng. Ngày 4/5/2019 công ty L có đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, theo đó yêu cầu công ty Q thanh toán cho công ty L số tiền 39.316.093 đồng.

Ông Lê Đức E đại diện theo pháp luật của bị đơn có văn bản trình bày ý kiến như sau: Ngày 12/3/2018 công ty cổ phần đầu tư L và công ty TNHH thương mại dịch vụ công nghệ Q ký hợp đồng kinh tế số 02/HĐKT/2018 về việc "Thi công hệ thống phòng cháy chữa cháy và chống sét toàn bộ Bệnh viện Đa khoa S tại số 125 Y, phường K, Quận Đ, Tp.M". Công ty L đã chuyển cho công ty Q số tiền như sau: Lần 1: Tạm ứng 10% giá trị hợp đồng 120.000.000 đồng vào ngày 23/3/2018 và lần 2: Thanh toán 30% giá trị hợp đồng tương ứng số tiền 339.558.000 đồng vào ngày 20/11/2018. Sau khi ký hợp đồng công ty Q thực hiện theo như hợp đồng đã ký. Tuy nhiên, do trùng vào đợt cuối năm nên công ty Q có chậm trễ trong việc lắp đặt 08 đầu báo khói và ngày 20/2/2019 công ty Q có cử nhân viên đến công trình để tiếp tục thi công nhưng công ty L không cho nhân viên của công ty Q vào thi công nên công ty Q không thể hoàn thành công việc. Nay công ty L khởi kiện yêu cầu công ty Q thanh toán số tiền 459.558.000 đồng thì công ty Q không đồng ý.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn trình bày: Yêu cầu chấm dứt hợp đồng kinh tế số 02/HĐKT/2018 ký giữa công ty L và công ty Q. yêu cầu công ty Q phải thanh toán số tiền 39.316.093 đồng gồm: Tiền công ty L thanh toán thừa cho công ty Q và tiền bảo hành công trình là 5% do công ty Q không thực hiện đầy đủ việc lắp đặt và nghiệm thu công trình. Công ty L yêu cầu công ty Q thanh toán số tiền trên làm một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Đại diện theo pháp luật của bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày và tranh luận của các bên đương sự tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Pháp luật về tố tụng:

Xét tại thời điểm thụ lý Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng kinh tế" nhưng thực tế các bên tranh chấp việc thi công, lắp đặt thiết bị phòng cháy, chữa cháy và chống sét công trình tại Bệnh viện đa khoa S nên cần xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng thi công".

Nguyên đơn – Công ty cổ phần đầu tư L khởi kiện tranh chấp hợp đồng thi công đối với bị đơn công ty TNHH thương mại dịch vụ công nghệ Q. Bị đơn, công ty TNHH thương mại dịch vụ công nghệ Q có trụ sở tại quận D nên vụ án

thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn, công ty TNHH thương mại dịch vụ công nghệ Q đã được Tòa án triệp tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Pháp luật về nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chấm dứt hợp đồng kinh tế số 02/HĐKT/2018 ngày 12/3/2018 và buộc công ty Q thanh toán số tiền 39.316.093 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

Cả công ty Q và công ty L xác định hiện tại công ty Q không thực hiện nghĩa vụ thi công tại công trình từ tháng 12/2018, công ty L đã nhiều lần mời công ty Q họp để tìm phương án giải quyết việc chậm thi công nhưng công ty Q không thực hiện nên công ty L yêu cầu được chấm dứt hợp đồng kinh tế số 02/HĐKT/2018 đã ký là có căn cứ dó đó Hội đồng xét xử chấp nhận là phù hợp.

Căn cứ hợp đồng kinh tế số 02/HĐKT/2018 ngày 12/3/2018, sự thừa nhận của các bên thể hiện: Công ty Q có thực hiện việc thi công và lắp đặt hệ thống phòng cháy, chữa cháy và chống sét tại Bệnh viện Đa khoa S theo thỏa thuận của hợp đồng đã ký. Căn cứ biên bản xác nhận khối lượng thi công do công ty L và công ty Q ký ngày 4/5/2019 thì:

Theo công ty Q khối lượng do công ty Q thi công có giá trị 926.458.228 đồng, giảm giá 35% còn lại giá trị là 602.197.849 đồng.

Theo công ty L tính thì giá trị thi công là 680.553.696 đồng, sau giảm giá là 442.359.902 đồng, trừ tiền nghiệm thu công trình 5%, trừ 5% tiền bảo hành thì giá trị thi công là 398.123.912 đồng.

Tuy nhiên, theo biên bản xác nhận khối lượng giữa hai bên thể hiện công ty Q đã lắp đặt được các công việc và căn cứ theo Phụ lục hợp đồng về đơn giá thì giá trị công ty Q đã thực hiện là:

1. Đầu báo khói 119 cái X 383.691 đồng = 45.691.359 đồng
2. Chuông 24V 15 cái X 923.376 đồng = 13.850.640 đồng
3. Nút nhấn khẩn 15 cái X 695.171 đồng = 10.427.565 đồng
4. Dòng tín hiệu chống cháy 2 X 1,5: 1660m X 16.610 đồng = 24.252.600 đồng
5. Dòng tín hiệu chống cháy 2 X 2.5: 600m X 17.779 đồng =10.667.400 đồng.
6. Ống nhựa PVC D25: 2200m X 66.360 đồng = 145.992.000 đồng
7. Mặt bích D100: 94 cái X 443.209 đồng = 44.661.646 đồng
8. Mặt bích mù D100: 02 cái X 662.867 đồng = 1.325.734 đồng

9. Măng sông D50: 20 cái X 90.473 đồng = 1.809.460 đồng

10.Giăng cao su D100: 60 cái X 127.327 đồng = 7.639.620 đồng

11.Tê hàn D100: 20 cái X 447.476 đồng = 8.949.520 đồng

12.Bu lông con tán: 580con X 25.465 đồng = 14.769.700 đồng

13.Tê hàn giảm D100/50: 18 cái X 460.465 đồng = 8.288.370 đồng

14.Tê hàn giảm D100/80: 4 cái X 460.465 đồng = 1.841.860 đồng

15.Tê hàn giảm D65/50: 6 cái X 255.877 đồng = 1.535.262 đồng

16.Co hàn D100: 36 cái X 250.485 đồng = 9.017.460 đồng

17.Co ren D50: 80 cái X 172.173 đồng = 13.773.840 đồng

18.Bệ đỡ hộp chữa cháy: 01 cái X 127.327 đồng = 127.327 đồng

19 Tủ chữa cháy: 14 cái X 1.200.650 đồng = 16.809.100 đồng

19.Đào đất và lắp đất: 25m3 X 257.470 đồng = 6.436.750 đồng

20.Băng keo quấn ống: 200 cuộn x 10.505 đồng = 2.101.000 đồng

21.Sơn đỏ: 20 kg X 127.327 đồng = 2.546.540 đồng

22.Que hàn: 05 hộp X 190.989 đồng = 954.945 đồng

23.Ống D100: 2,77m X 39.585.334 đồng = 109.651.375 đồng

24.Ống D80: 028m X 31.841.089 đồng = 8.915.505 đồng

25.Ống D50: 1,34m X 21.408.443 đồng = 28.687.314 đồng.

26.Hệ thống chống sét đã hoàn thiện:142.829.804 đồng.

Như vậy, tổng giá trị công ty Q đã thi công là 680.553.696 đồng. Căn cứ theo thỏa thuận tại phụ lục hợp đồng và sự thừa nhận của các bên thì tổng giá trị thi công khi thanh toán sẽ được giảm 35% nên giá trị công ty Q đã thực hiện sau khi giảm 35% là 442.359.902 đồng. Do Công ty Q vi phạm hợp đồng và tất cả các thiết bị được lắp đặt tại Bệnh viện Đa khoa S chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng nên công ty L yêu cầu được trừ 5% phí bảo hành công trình là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, sau khi trừ 35% giá trị công ty Q đã thực hiện thì còn phải thanh toán cho công ty L số tiền 17.198.098 đồng (459.558.000 đồng – 442.359.902 đồng = 17.198.098 đồng) và 5% phí bảo hành công trình (442.359.902 đồng X 5% = 22.117.995 đồng). Như vậy, công ty Q phải thanh toán tổng số tiền là 22.117.995 đồng + 17.198.098 đồng = 39.316.093 đồng.

Trường hợp, công ty Q chậm thực hiện nghĩa vụ thì còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Công ty Q có nghĩa vụ thanh toán tiền cho công ty L nên phải có nghĩa vụ chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho công ty cổ phần đầu tư L đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 385, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Nguyên đơn, Công ty cổ phần đầu tư L:

Chấm dứt hợp đồng kinh tế số 02/HĐKT/2018 ngày 12/3/2018 ký giữa công ty cổ phần L và công ty TNHH thương mại dịch vụ công nghệ Q.

Buộc Công ty TNHH thương mại dịch vụ công nghệ Q có trách nhiệm trả cho Công ty cổ phần đầu tư L số tiền là 39.316.093 đồng (ba mươi chín triệu ba trăm mười sáu ngàn không trăm chín mươi ba đồng).

Phương thức và thời hạn trả: Trả làm một lần toàn bộ số tiền trên ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp, Công ty TNHH thương mại dịch vụ công nghệ Q chậm thực hiện nghĩa vụ thì còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/ Về án phí: Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 3.000.000 (*ba triệu)* đồng do Công ty TNHH thương mại dịch vụ công nghệ Q phải nộp.

Hoàn lại cho Công ty cổ phần đầu tư L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.191.160 đồng *(mười một triệu một chín mươi mốt ngàn một trăm sáu mươi)* đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0038014 ngày 6/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Công ty cổ phần đầu tư L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Công ty TNHH thương mại dịch vụ công nghệ Q được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- VKSND Q.Tân Bình;
- Chi cục THADS Q.Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hồng Út